CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Nhựa Tân Đại Hưng

Ngày 31/12/2025	13,250 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	6.0%	**10.4%**	**55.9%**

DT thuần
Q4/25
120
tỷ VNĐ
QoQ: ▼6.00| -5.0%
YoY: ▲ 1.00| 0.6%

LN thuần
Q4/25
0.52
tỷ VNĐ
QoQ: ▼4.63| -89.9%
YoY: ▼1.98| -79.2%

LN sau thuế
Q4/25
0.64
tỷ VNĐ
QoQ: ▼4.53| -87.5%
YoY: ▼4.47| -87.4%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
3.8%
YoY: +/-▼ 0.1%

ROE
2025
4.2%
YoY: +/-▲ 0.1%

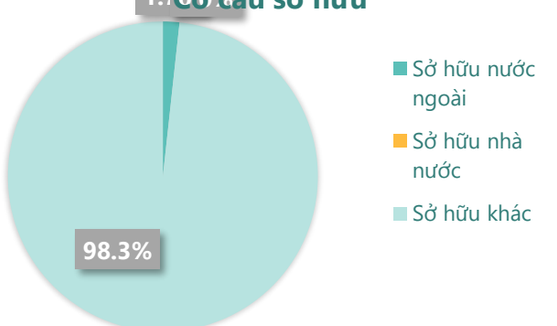
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	7,700 - 13,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	298
Số lượng CPLH (CP)	22,516,965
KLGD BQ 20 phiên (CP)	171,205
Sở hữu nước ngoài	1.7%
Beta	0.18
EPS	527
P/E	25.1

DT thuần
2025
476
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 39.0| 9.1%

LN thuần
2025
14.2
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 6.89| 94.6%

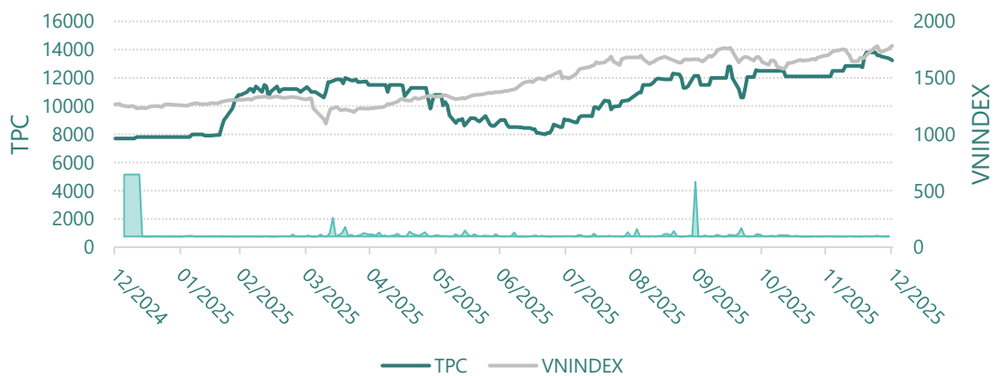
LN sau thuế
2025
11.9
tỷ VNĐ

Cơ cấu sở hữu

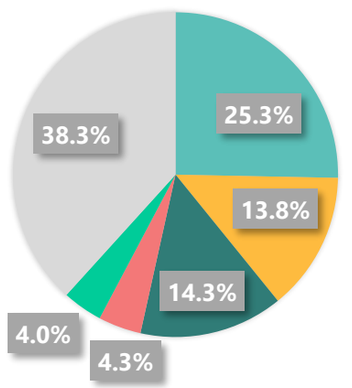


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

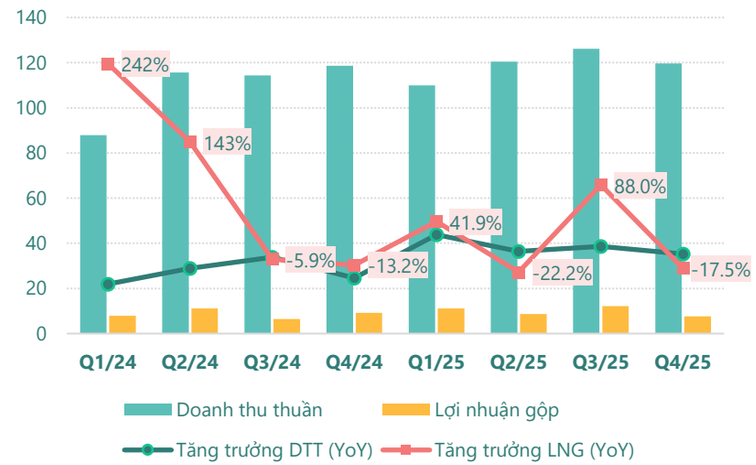


- CTCP Nhựa Tân Đại Hưng
- Lê Thị Mỹ Hạnh
- Phạm Trung Cang (Chủ tịch HĐQT)
- Đỗ Thị Quế Thanh
- Phạm Đỗ Diễm Hương
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

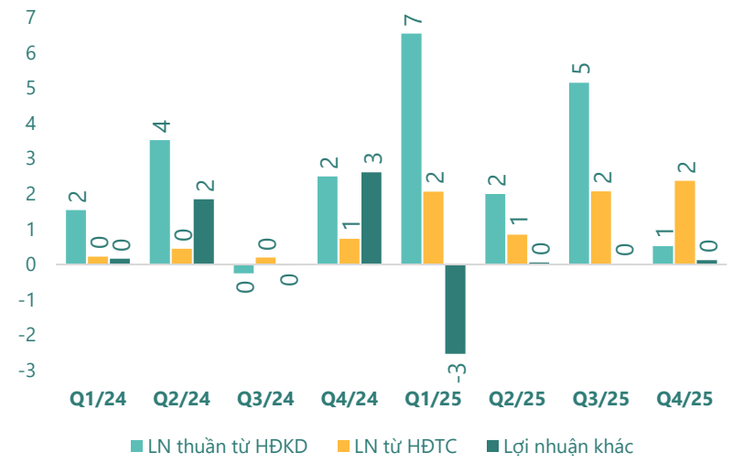
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



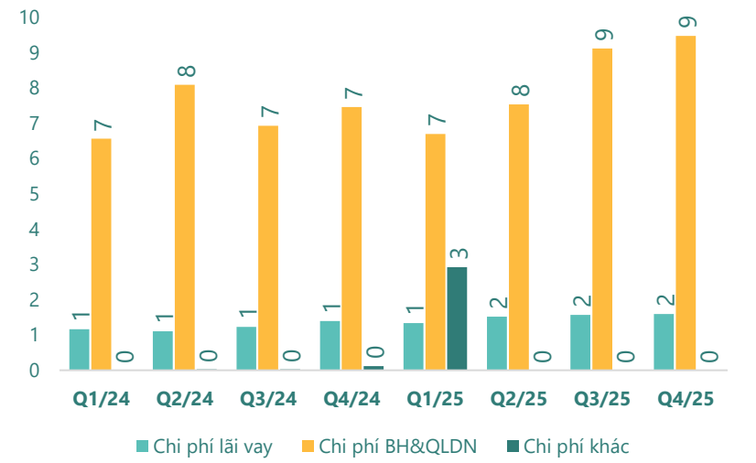
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



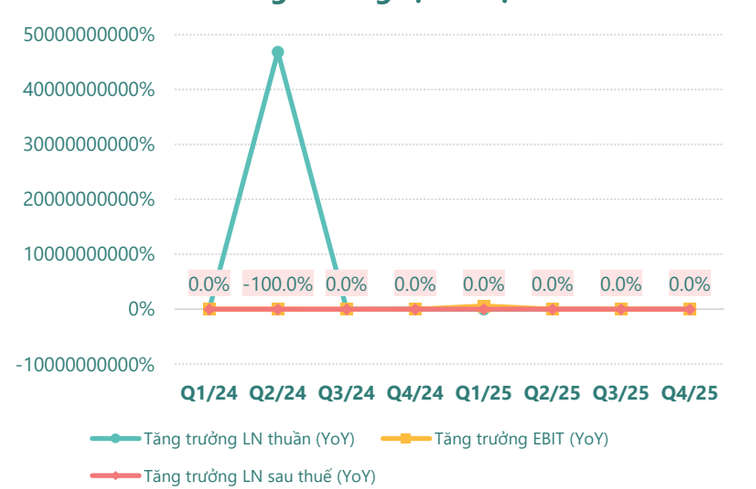
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



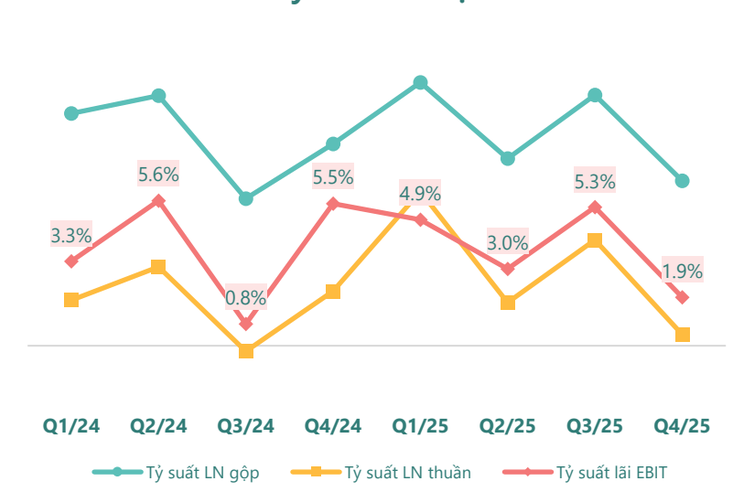
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



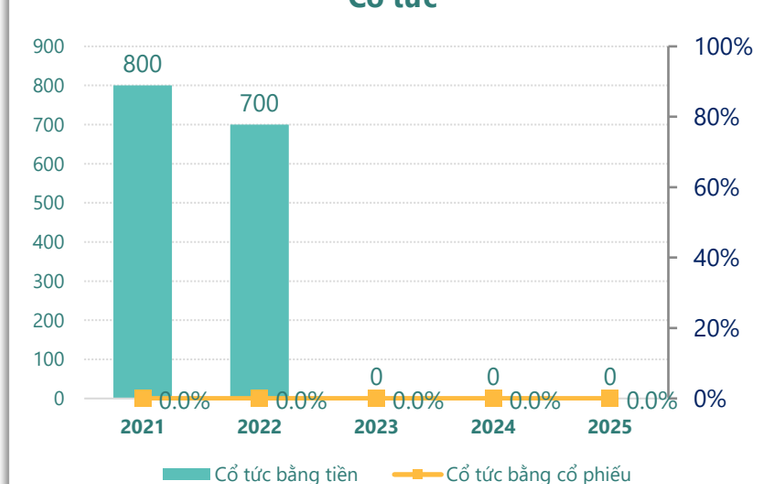
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

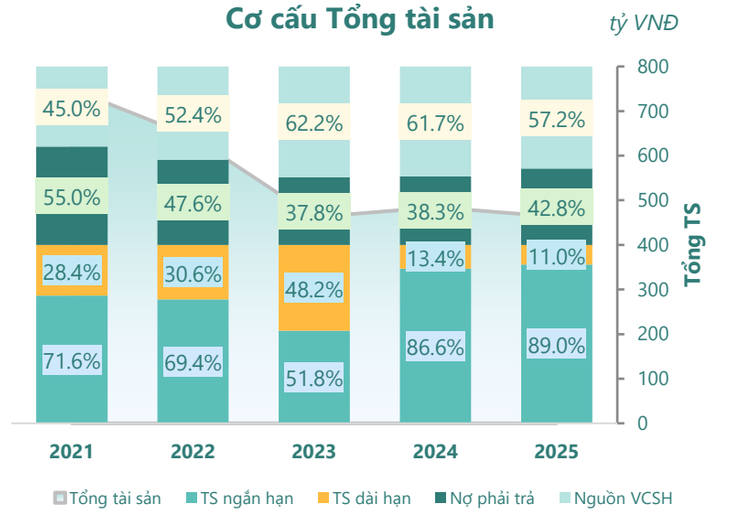
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

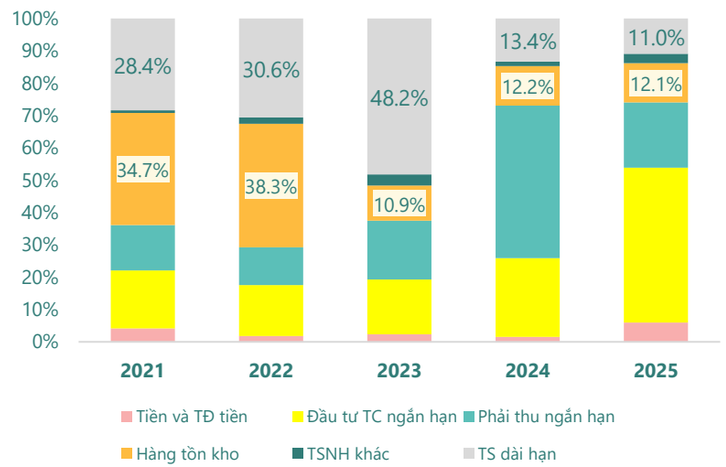
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



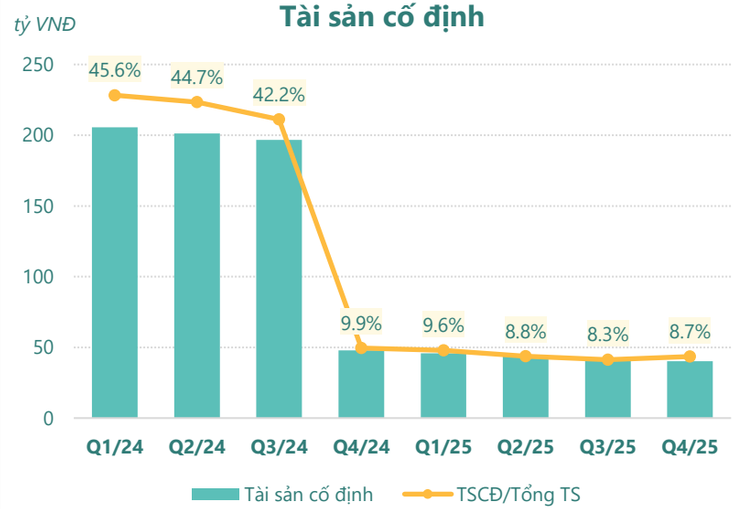
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



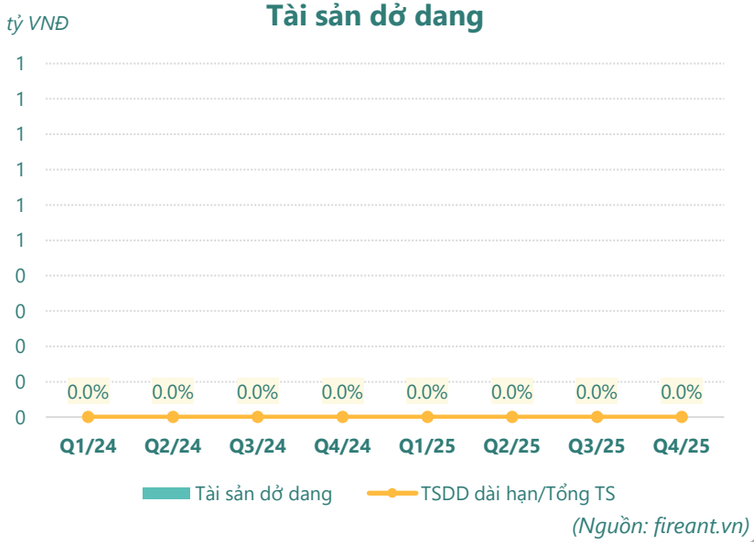
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



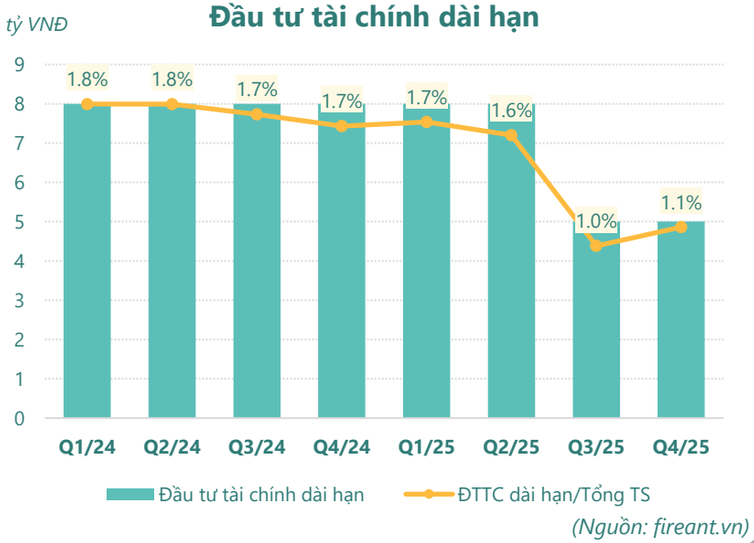
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



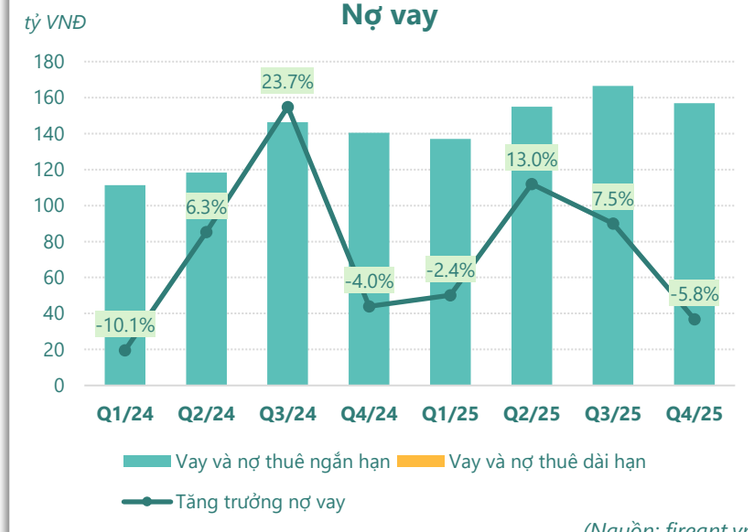
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

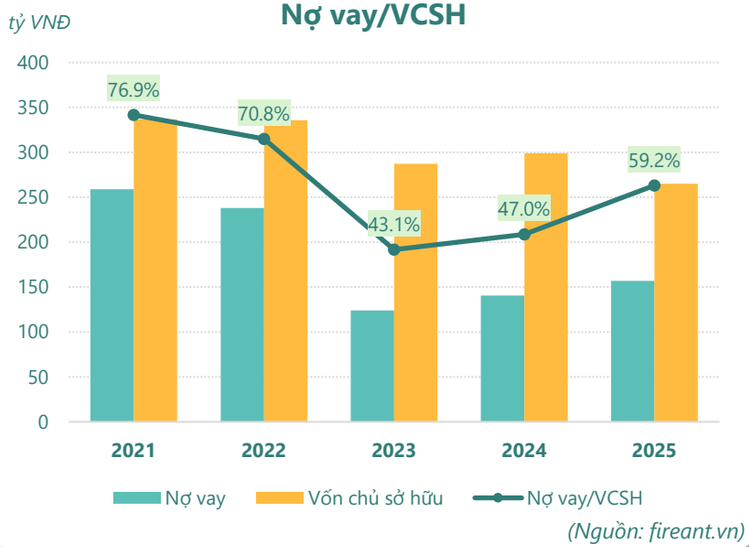
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

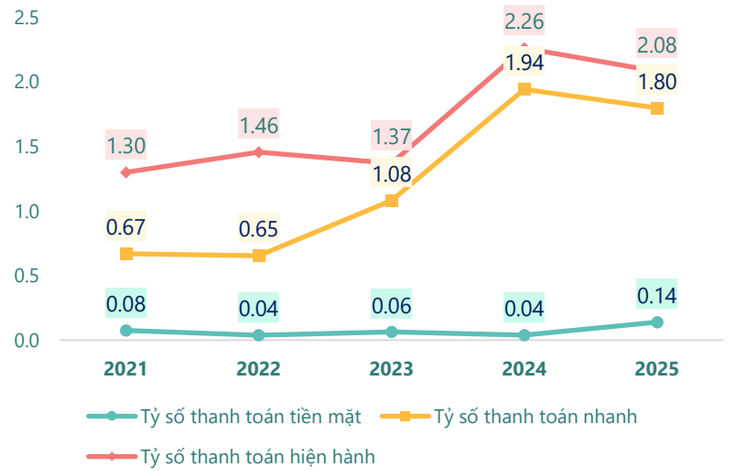
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



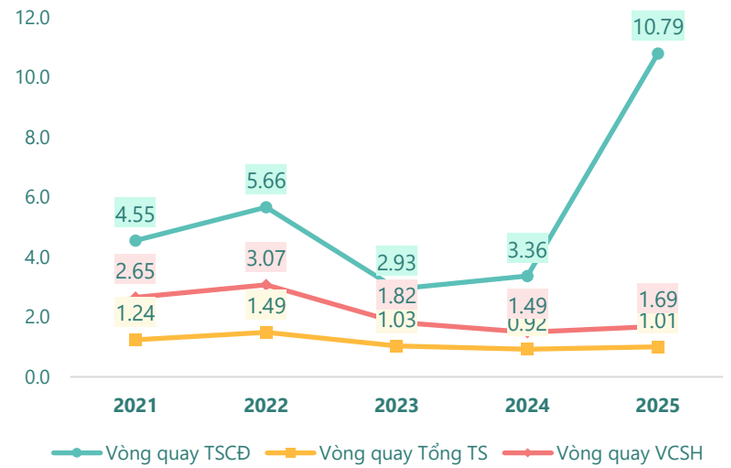
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



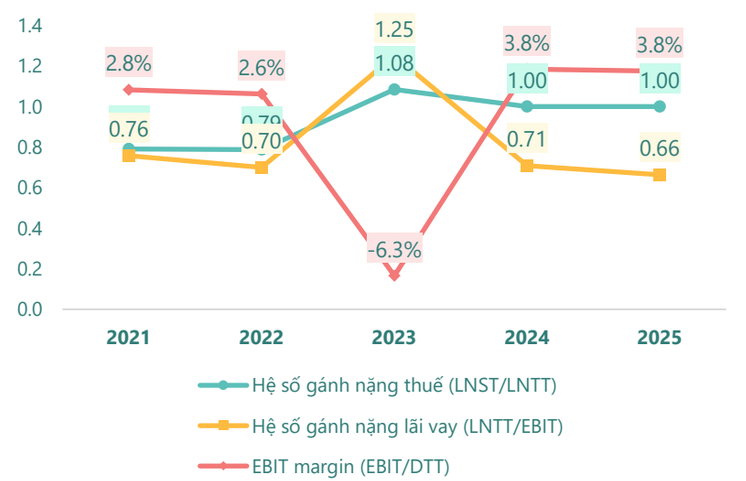
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



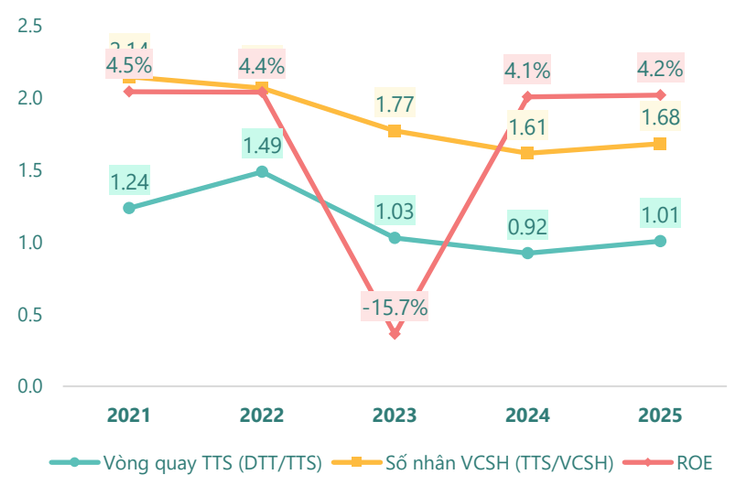
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



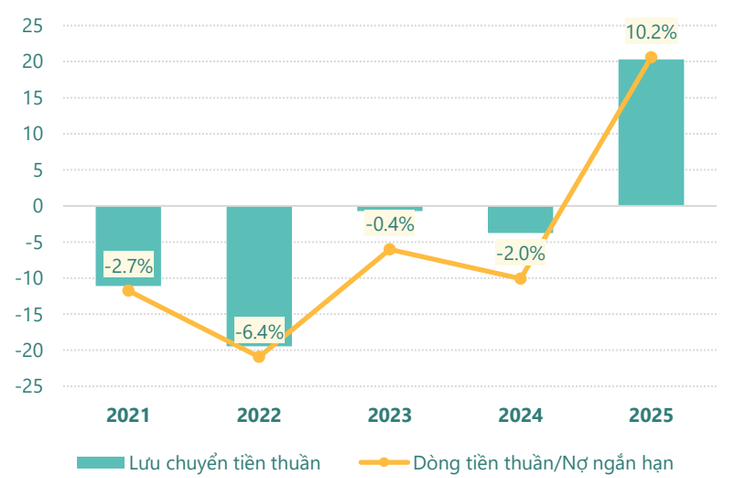
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**120**	**119**	**0.6%**	**476**	**437**	**9.1%**
Giá vốn hàng bán	112	109	2.8%	437	402	8.7%
Lợi nhuận gộp	7.62	9.24	-17.5%	39.7	34.8	14.2%
Doanh thu HĐTC	3.97	2.12	87.2%	13.5	6.68	102%
Chi phí TC	1.59	1.40	13.8%	6.16	5.09	21.0%
Chi phí lãi vay	1.59	1.40	13.8%	6.02	4.89	23.1%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	4.66	3.81	22.4%	16.8	14.3	17.8%
Chi phí QLDN	**4.81**	**3.66**	**31.6%**	**16.0**	**14.7**	**8.4%**
LN thuần từ HĐKD	0.52	2.50	-79.2%	14.2	7.31	94.6%
Lợi nhuận khác	**0.12**	**2.61**	**-95.2%**	**-2.34**	**4.60**	**-151%**
LN trước thuế	0.64	5.11	-87.4%	11.9	11.9	-0.3%
Lợi nhuận sau thuế	**0.64**	**5.11**	**-87.4%**	**11.9**	**11.9**	**-0.3%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.64**	**5.11**	**-87.4%**	**11.9**	**11.9**	**-0.3%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	6.51	-9.70	0.74	5.83	1.31	70.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-45.1	16.7	0.78	-19.9	-8.85	5.45
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	28.3	-6.05	-3.15	17.3	5.24	-55.4
Tiền đầu kỳ	16.5	6.17	7.35	5.73	9.07	6.69
Lưu chuyển tiền thuần	**-10.3**	**0.91**	**-1.62**	**3.27**	**-2.31**	**21.0**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.06	0.00	0.07	-0.07	0.03
Tiền cuối kỳ	6.17	7.14	5.73	9.07	6.69	27.7

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**463**	**485**	**-4.5%**
Tài sản ngắn hạn	412	420	-1.8%
Tiền và tương đương tiền	27.7	7.35	277%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	222	118	87.6%
Phải thu ngắn hạn	93.8	229	-59.0%
Hàng tồn kho	55.8	59.2	-5.7%
Tài sản ngắn hạn khác	13.4	6.72	100%
Tài sản dài hạn	**50.7**	**64.7**	**-21.6%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	40.3	47.9	-15.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	5.00	8.00	-37.5%
Tài sản dài hạn khác	**5.44**	**8.78**	**-38.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	198	186	6.7%
Nợ ngắn hạn	**198**	**186**	**6.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	157	141	11.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	23.7	27.9	-15.3%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**265**	**299**	**-11.4%**
Vốn chủ sở hữu	**265**	**299**	**-11.4%**
Vốn điều lệ	225	244	-7.8%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)